

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN

NGUYỄN THỊ NHƯ MAI*

Nghị quyết số 36/NQ-TW xác định mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững và bảo đảm an ninh, an toàn. Bài viết đánh giá thực trạng chính sách phát triển các khu vực ven biển, khai thác tổng hợp tài nguyên biển và phát triển toàn diện các ngành kinh tế biển chủ yếu, như: thủy sản, dầu khí, hàng hải, du lịch biển, kinh tế biển, đảo, công nghiệp ven biển và năng lượng tái tạo. Trên cơ sở phân tích hệ thống pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên, đánh giá những kết quả đạt được và một số hạn chế, bất cập, bài viết đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật và mô hình quản trị, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Từ khóa: Chính sách phát triển; khu vực ven biển; quản lý tổng hợp biển; mô hình quản trị; kinh tế biển.

Resolution No. 36/NQ-TW identifies the goal of making Vietnam a strong maritime nation, prosperous from the sea, with sustainable development and ensured security and safety. This article assesses current policies for developing coastal areas, integrated exploitation of marine resources, and comprehensive development of major marine economic sectors, including fisheries, oil and gas, maritime transport, marine tourism, the marine and island economy, coastal industries, and renewable energy. Based on an analysis of the national legal system and international treaties on the sea to which Vietnam is a party, as well as an assessment of achievements and existing limitations and shortcomings, the article proposes several key solutions to improve policies, laws, and governance models, contributing to the effective implementation of Vietnam's sustainable marine economic development goals to 2030, with a vision to 2045.

Keywords: Development policies; coastal areas; integrated marine management; governance models; marine economy.

NGÀY NHẬN: 15/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 10/7/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: ntnm@ntt.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1602>

1. Đặt vấn đề

Biển và đại dương ngày càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, quốc gia có đường bờ biển dài hơn 3.260 km, vùng biển rộng lớn và vị trí địa chính trị chiến lược,

* TS, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

kinh tế biển không chỉ là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế quốc dân mà còn gắn chặt với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Thực tiễn cho thấy, các hoạt động khai thác, sử dụng biển ngày càng đa dạng, bao gồm các ngành kinh tế truyền thống, như: thủy sản, hàng hải, dầu khí, du lịch biển; đồng thời, xuất hiện nhiều ngành kinh tế biển mới, như: năng lượng tái tạo ngoài khơi, công nghệ sinh học biển và các dịch vụ biển công nghệ cao.

Tuy nhiên, cùng với những cơ hội phát triển, kinh tế biển Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức, như: suy thoái môi trường biển, xung đột trong sử dụng không gian biển, tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu và những biến động phức tạp về địa chính trị, an ninh biển khu vực. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, đặc biệt là Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy, hệ thống chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển vẫn còn những hạn chế về tính đồng bộ, thống nhất và hiệu lực thực thi. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá một cách hệ thống chính sách và pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển, làm rõ những bất cập và đề xuất các giải pháp hoàn thiện là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong giai đoạn hiện nay.

2. Thực trạng chính sách về phát triển bền vững kinh tế biển của Việt Nam

2.1. Chính sách mở cửa và phát triển các khu vực ven biển

Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng công tác xây dựng và phát triển các khu vực ven biển, luôn coi đây là một trong những mắt xích then chốt trong chiến lược kinh tế biển nói riêng, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia nói chung. Chính sách được

thể hiện ở việc xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển. Báo cáo Chính trị Đại hội XII của Đảng xác định: “Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. tr. 288). Nghị quyết số 36/NQ-TW xác định đến năm 2030, phát triển đồng bộ, từng bước hình thành khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển, tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển.

Trên cơ sở định hướng chính sách của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chính sách về phát triển nhanh, bền vững các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm liên kết ngành kinh tế biển, như: chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển khu kinh tế ven biển, riêng đối với xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội của khu kinh tế sẽ được Nhà nước hỗ trợ tài chính bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của *Luật Ngân sách nhà nước*; chính sách khuyến khích, ưu đãi về thuế, tín dụng, sử dụng đất, mặt nước, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ để các doanh nghiệp, thành phần kinh tế đầu tư hoạt động và liên kết hợp tác với nhau hình thành cụm liên kết ngành kinh tế biển.

Về phát triển các đô thị ven biển, tháng 8/2024, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định phát triển bền vững hệ thống đô thị ven biển, trên các đảo gắn với chiến lược phát triển kinh tế biển.

2.2. Khai thác toàn diện các ngành nghề biển

Chính sách khai thác tài nguyên biển gần, xa, phát triển toàn diện các ngành nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tổ chức nhiều ngành nghề, như: du lịch, hàng hải, dầu khí, thủy sản, khai thác các ngành kinh tế biển mới đặc biệt được chú trọng.

Thứ nhất, phát triển nghề hải sản (đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản).

Việc quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024), trong đó xác định phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Cụ thể, các chính sách được ban hành, như: đầu tư, tín dụng, cho vay vốn lưu động, bảo hiểm, ưu đãi thuế, hỗ trợ chi phí đào tạo, chi phí vận chuyển hàng hóa từ đất liền ra tàu khai thác hải sản xa bờ và vận chuyển sản phẩm khai thác xa bờ về đất liền.

Thứ hai, phát triển ngành khai thác dầu khí.

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các tổ chức tài chính, chính sách ưu đãi đối với những dự án thăm dò, khai thác dầu khí ở những vùng nước sâu, xa bờ, khu vực có điều kiện địa lý đặc biệt khó khăn, địa chất phức tạp gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển...

Trước tình hình biến động địa chính trị và an ninh toàn cầu, xung đột chiến tranh toàn cầu, phát triển ngành công nghiệp dầu khí nội địa là quan trọng, nên hàng loạt chính sách cho ngành dầu khí đã được ban hành, như: Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định chuyển mô hình ngành dầu khí trong nước từ “thăm dò, khai thác truyền thống” sang mô hình “thăm dò, khai thác, chế biến, dịch vụ - công nghiệp dầu khí và năng lượng tổng hợp, điện gió ngoài khơi”; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh

tế, nhất là khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng.

Thứ ba, phát triển kinh tế hàng hải.

Các vấn đề an toàn, an ninh hàng hải, hệ thống thông tin duyên hải, tìm kiếm, cứu nạn trên biển được quan tâm đầu tư thỏa đáng nhằm mục đích tạo thuận lợi cho hoạt động hàng hải trên biển và thực hiện nghĩa vụ của quốc gia ven biển theo quy định của *Công ước quốc tế về Luật biển* 1982. Bên cạnh đó, nhiều chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế được thực hiện vận tải biển và các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, cảng biển, tìm kiếm cứu nạn, logistics, các trung tâm phân phối hàng hóa, cảng cạn (ICD).

Thứ tư, phát triển ngành du lịch biển, đảo.

Nhiều chính sách và định hướng phát triển du lịch biển, ven biển và hải đảo, như: ưu đãi về đất đai, về đầu tư, thuế, tín dụng, thị trường, xuất nhập cảnh, hải quan, xã hội hóa du lịch, xã hội hóa đầu tư tạo môi trường thông thoáng, ổn định để thu hút đầu tư phát triển du lịch, nhất là về du lịch cộng đồng ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo; ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, chất lượng tại các trung tâm du lịch đã được đề cập, như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Quy hoạch hệ thống Du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2050; Đề án phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thứ năm, phát triển kinh tế đảo, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia các vùng biển, đảo.

Chính sách phát triển kinh tế đảo của Việt Nam là tập trung vào ưu tiên đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, như: giao thông, cấp điện, cấp, thoát nước, hạ tầng thông tin - truyền thông, hậu cần biển; ưu đãi thuế, vốn cho phát triển các ngành du lịch, dịch vụ biển,

hàng hải, nuôi trồng thủy sản, năng lượng tái tạo và ngư nghiệp; nâng cao đời sống dân cư đảo; thu hút đầu tư và khuyến khích người dân ra định cư lâu dài trên các đảo, vừa phát triển kinh tế, vừa góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển đảo. Tập trung phát triển một số ngành chủ lực, có lợi thế, như: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm nghiệp, các lĩnh vực xã hội (giáo dục, đào tạo, y tế,...); bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp phát triển kinh tế; bảo vệ vững chắc các vùng biển đảo của Tổ quốc, kết hợp phát triển một số ngành kinh tế có lợi thế và bảo tồn thiên nhiên tại các đảo.

2.3. Phát triển các ngành kinh tế biển mới

(1) *Công nghiệp ven biển*: ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn; phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hóa dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ; khai thác và chế biến khoáng sản, phát triển năng lượng mới và tái tạo, phát triển ngành dầu khí đồng bộ, đa ngành và liên ngành để trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của đất nước, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí trong nước; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực chế biến, phân phối sản phẩm, dịch vụ, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác.

(2) *Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới*: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị xác định xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó ưu tiên công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng thông minh.

Đối với phát triển năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi, các quy định về điện gió đã được ban hành như khung giá phát điện loại hình nhà máy điện gió ngoài khơi (Thông tư

số 1824/QĐ-BCT ngày 26/6/2025 của Bộ Công Thương), quy định chi tiết trình tự, thủ tục giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện khảo sát dự án điện gió ngoài khơi trước khi lựa chọn nhà đầu tư (Thông tư số 79/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025). Các quy định này đáp ứng yêu cầu hoàn thiện thể chế, tháo gỡ những vướng mắc thực tiễn trong giai đoạn khảo sát đối với các dự án điện gió ngoài khơi có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp và phạm vi hoạt động rộng trên biển.

Đối với các ngành kinh tế biển mới, phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển, như: dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển. Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030, xác định tập trung chế biến sản phẩm giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước từ tôm, cá tra, cá ngừ, rong tảo biển...

3. Pháp luật về phát triển kinh tế biển

3.1. Hệ thống pháp luật quốc gia

Các hoạt động đầu tư, kinh doanh liên quan kinh tế biển có các luật, như: *Luật Quy hoạch năm 2025, Luật Đầu tư năm 2025, Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014* (sửa đổi, bổ sung năm 2025), *Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020* (sửa đổi, bổ sung năm 2025), *Luật Doanh nghiệp năm 2014/2025, Luật Đất đai năm 2013* (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và các văn bản hướng dẫn đã tạo khung pháp lý, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế biển. Bên cạnh đó là các quy định pháp luật về tái cơ cấu, xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng cũng đã được ban hành nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong các hoạt động liên quan đến biển. Các hành vi vi phạm pháp luật quản lý biển hoặc

các tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh tế biển tùy theo mức độ được điều chỉnh bởi các luật, như: *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), *Bộ luật Tổ tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), *Luật Tổ tụng Dân sự* năm 2015, *Luật Trọng tài Thương mại* năm 2010.

Nhiều văn bản là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện phương thức quản lý tổng hợp biển đã được ban hành, như: *Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo*, Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch vùng bờ.

3.2. Điều ước, thỏa thuận quốc tế về biển

Việt Nam đã phê chuẩn *Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển* năm 1994 (UNCLOS), tham dự một loạt các công ước quốc tế về biển và môi trường, ký kết các hiệp định song phương trong các lĩnh vực môi trường biển, đánh bắt cá, thăm dò và khai thác dầu khí, đặt cáp và ống dẫn ngầm, nghiên cứu khoa học biển và các lĩnh vực liên quan. Việt Nam là thành viên của hơn 50 điều ước quốc tế đa phương và gần 100 điều ước quốc tế song phương liên quan đến không gian biển và các hoạt động trên biển.

Như vậy, đến nay, Việt Nam đã có một hệ thống chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển, gồm hệ thống pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, điều chỉnh tất cả các lĩnh vực hoạt động liên quan đến biển. Các ngành kinh tế biển đều có quy hoạch, kế hoạch sử dụng phù hợp với đặc điểm của từng vùng ven biển và các vùng biển theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và các quy hoạch, kế hoạch của các ngành luôn được điều chỉnh phù hợp với định hướng chính sách của Đảng, thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong vấn đề phân định biển, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực xác định vùng biển để làm cơ sở phát triển và hội nhập quốc tế. Việc xác định này được thực hiện trên 5 hướng: (1) Tham gia Công ước của Liên Hợp quốc về *Luật biển* năm 1982 và các công ước quốc tế quy định vùng không gian biển được hưởng theo quy định của luật pháp quốc tế. (2) Đàm phán giải quyết các tranh chấp biển nhiều nhất có thể. (3) Pháp điển hóa các quy định vùng biển trong luật quốc gia. (4) Tham dự các tổ chức quốc tế về biển và đẩy mạnh hợp tác biển. (5) Quy định và thực thi các khu vực biển chức năng. Đến nay, Việt Nam đã giải quyết được 6/9 tranh chấp biển, xác định rõ 1/2 ranh giới biển với các nước; quy định hàng chục khu bảo vệ thiên nhiên, sinh quyển... liên quan đến biển.

Các quy định về các hoạt động trên biển của Việt Nam phù hợp với quy định của *Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển* năm 1982; khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam.

Tuy nhiên về phân định biển, vẫn còn cần tiếp tục thỏa thuận các vùng khai thác chung với Malaysia và vùng nước lịch sử với Campuchia, vùng chồng lấn thêm lục địa giữa Việt Nam - Malaysia và Thái Lan tại Vịnh Thái Lan, giải quyết tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như phân định thêm lục địa mở rộng với Philippines và Malaysia.

Hiện nay, nhiều nội dung định hướng chính sách của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển chưa được hướng dẫn thực hiện cụ thể, chẳng hạn, như khái niệm, nội hàm “kinh tế thuần biển” nên chưa có thống kê riêng biệt về về sự đóng góp của các ngành “kinh tế thuần biển” trong GDP cả nước hoặc biện pháp cụ thể để thực hiện chỉ tiêu đóng góp của các ngành kinh tế biển, của từng địa phương ven biển đối với GDP cả nước. Do đó,

báo cáo thường kỳ không bảo đảm độ chính xác, chưa tạo ra cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc để có chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế biển bền vững và hiệu quả.

4. Một số đề xuất

Một là, đẩy mạnh nghiên cứu và sớm hoàn thiện, ban hành các quy định và hướng dẫn cần thiết để triển khai đồng bộ các chính sách bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

Trước hết ưu tiên ban hành các chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển là cơ sở để các ngành kinh tế thuận biển đạt được mục tiêu đến năm 2030 đóng góp khoảng 10% GDP của cả nước và kinh tế các tỉnh, thành phố ven biển ước đạt 65 - 70% GDP cả nước. Cần làm rõ nội hàm của “kinh tế biển”, “kinh tế thuận biển” cơ sở cho việc thống kê kinh tế; quy định về điều kiện hoạt động của các ngành kinh tế biển tại các vùng biển đã được quy hoạch; quy định về tiêu chí giải quyết mâu thuẫn trong sử dụng không gian biển các vùng biển, đặc biệt là tại vùng biển ven bờ.

Hai là, xây dựng mô hình quản trị biển, mô hình quản lý tổng hợp biển phù hợp, hiệu quả; phân công, phân cấp trách nhiệm thực hiện, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức cộng đồng dân cư ven biển theo định hướng chính sách của Đảng.

Ba là, huy động các nguồn tài chính để thực hiện kinh tế biển bền vững, kinh tế biển xanh; hỗ trợ các ngành kinh tế biển, địa phương ven biển xây dựng các tiêu chí và thực hiện phát triển bền vững, kinh tế biển xanh của ngành, địa phương.

Bốn là, nghiên cứu, rà soát sửa đổi Quy hoạch vùng bờ theo đúng quy định của *Luật Quy hoạch* năm 2025 là Quy hoạch vùng bờ phải phù hợp, cụ thể hóa Quy hoạch không gian biển quốc gia về định hướng phát triển, sắp xếp không gian cho việc khai thác, sử dụng các loại tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi vùng bờ.

Năm là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kinh tế biển có chuyên môn về quản lý biển, đáp ứng yêu cầu về thực hiện kinh tế biển bền vững, kinh tế biển xanh và hội nhập quốc tế về quản lý biển.

Sáu là, tiếp tục thỏa thuận phân định các vùng khai thác chung với Malaysia và vùng nước lịch sử với Campuchia, vùng chồng lấn thêm lục địa giữa Việt Nam - Malaysia và Thái Lan tại vịnh Thái Lan, giải quyết tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như phân định thêm lục địa mở rộng với Philippines và Malaysia.

5. Kết luận

Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh là một yêu cầu tất yếu không chỉ đối với nền kinh tế Việt Nam mà còn là trách nhiệm của Việt Nam trong thực hiện trách nhiệm đối với quốc tế. Hệ thống chính sách, pháp luật về kinh tế biển Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện, bao quát các ngành kinh tế biển, quản lý không gian biển và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về tính đồng bộ giữa các quy hoạch, cơ chế quản lý tổng hợp biển và công cụ điều phối liên ngành. Theo đó, việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên có ý nghĩa quan trọng đối với mục tiêu phát triển kinh tế biển xanh, bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018). *Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Chính trị (2018). *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.